

Bản án số: 08/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-4-2022.

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bình; bà Lê Thị Yên.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Luyện - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 13-4-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2021/TLST-HNGĐ ngày 17-12-2021 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23-3-2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1994, (có mặt)

HKTT: Thôn Đ, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

Cư trú tại: Thôn V, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1992, (có mặt).

Cư trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương

- Người làm chứng:

1. Ông Đặng Văn C (bố đẻ anh Q) (có mặt)

2. Bà Bùi Thị D (mẹ đẻ chị T) (có mặt)

3. Chi hội phụ nữ và trưởng thôn Đ, xã L, huyện Thanh Hà. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị T và anh Q tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã L ngày 01-11-2016. Quá trình chung sống anh Q không có lập trường, nghe theo bố mẹ, mọi chi phí sinh hoạt do chị phải tự lo liệu, anh Q đi làm có lương nhưng không đưa tiền để chị lo liệu trang trải cuộc sống. Khi chị mang thai con thứ hai chị đã bỏ về nhà

để đẻ sinh con, trong thời gian này, tuy anh Q và gia đình có đến thăm gặp nhưng không đưa tiền và quan tâm trách nhiệm với vợ con. Việc thăm gặp chỉ mang tính nghĩa vụ chứ không thiện chí. Vợ chồng ly thân từ tháng 12-2020 đến nay, chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Bị đơn anh Đặng Văn Q trình bày: Về điều kiện và thời gian kết hôn, anh xác nhận chị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được hơn 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh đi làm chưa đưa thẻ lương cho chị T nên chị T đã bỏ về nhà từ cuối năm 2020 và sinh con tại nhà đẻ. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay, anh đã cùng gia đình nhiều lần đến tìm để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không về và làm đơn xin ly hôn anh, anh Q xác định mâu thuẫn không trầm trọng, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, tập trung phát triển kinh tế để nuôi dạy con chung. Nếu chị T kiên quyết xin ly hôn anh Q đề nghị giải quyết theo pháp luật.

- **Về con chung:** Chị T, anh Q thống nhất trình bày: Vợ chồng có 02 con chung là Đặng Văn B, sinh ngày 09-8-2017 và Đặng Văn Hoàng B1, sinh ngày 09-01-2021. Hiện tại cháu B đang ở với anh Q, cháu B1 đang ở với chị T. Chị T đề nghị mỗi người nuôi 01 con, chị xin nuôi con B1, anh Q nuôi con B, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. anh Q không đồng ý ly hôn nên không có quan điểm về con, nếu chị T kiên quyết xin ly hôn, anh nhất trí như đề nghị của chị T.

- **Về tài sản chung, công sức, nợ chung:** chị T, anh Q tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng:

Bà Bùi Thị D trình bày: Tháng 11-2016, gia đình tổ chức hôn lễ cho vợ chồng anh chị T Q. Sau ngày cưới chị T về sinh sống cùng gia đình anh Q. Qua tâm sự của chị T, bà được biết vợ chồng không hợp nhau, anh Q không quan tâm trách nhiệm với vợ con, không đưa tiền để chị T lo toan cuộc sống, nhất nhất nghe lời bố mẹ. Chị T khi mang thai con thứ 2 đã về nhà bà đẻ sinh con. Vợ chồng ly thân từ tháng 12-2020 đến nay. Tuy anh Q và gia đình có đến hòa giải khuyên vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh Q tỏ thái độ không thiện chí, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Q để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đặng Văn B, sinh ngày 09-8-2017 và Đặng Văn Hoàng B1, sinh ngày 09-01-2021, hiện cháu B1 đang ở cùng chị T, cháu B đang ở cùng anh Q. Bà D đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ông Đặng Văn C trình bày: Ông là bố đẻ anh Q. Sau khi cưới, vợ chồng anh chị T, Q về ăn ở chung sống cùng gia đình ông. Vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, mọi chi phí sinh hoạt do ông bà lo liệu, chị T thì thoải mái có đưa 2.000.000^d đến 3.000.000^d để chi tiêu nhưng ông chỉ giữ hộ chứ không chi tiêu đến. Cuối năm

2020, chị T về bên ngoại sinh con. Vợ chồng anh chị ly thân từ đó đến nay, trong thời gian ly thân ông và anh Q cũng đã nhiều lần đến khuyên bảo để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị T kiên quyết không về. Theo ông mâu thuẫn của vợ chồng anh chị T, Q chưa đến mức trầm trọng, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nếu chị T kiên quyết xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung, tài sản chung, nợ, công sức ông xác nhận như anh chị T, Q trình bày là đúng.

Xác minh với trưởng thôn và chi hội phụ nữ xã L cung cấp như sau: Vợ chồng anh chị T Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Quá trình chung sống, có nghe dư luận về việc chị T đã bỏ về nhà để ở từ tháng 12-2020 đến nay. Do gia đình hai bên không nhờ tổ chức, đoàn thể hòa giải nên cơ sở thôn và Chi hội phụ nữ không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị. Đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Tại phiên tòa chị T giữ nguyên lời trình bày, anh Q đồng ý ly hôn; về con nhất trí với đề nghị của chị T mỗi người nuôi 01 con, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Đặng Văn Q; Về con: ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận, chị T và anh Q mỗi người nuôi một con, anh chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và được quyền thăm nom con, không ai được cản trở... Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Đặng Văn Q tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 01-11-2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Q không quan tâm và trách nhiệm với vợ con, đi làm có lương nhưng không đưa tiền cho chị T, mọi chi tiêu sinh hoạt hàng ngày chị T phải lo liệu. anh Q tuy có cùng gia đình 02 lần đến tìm chị T nhưng chỉ dừng lại ở mức độ thăm gặp, hỏi han chứ không nhờ tổ chức, đoàn thể cơ sở xóm thôn hòa giải. Từ khi thụ lý vụ án (17-12-2021) đến trước thời điểm xét xử (04 tháng). Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhưng anh Q cũng không có biện pháp tích cực hơn để cải thiện tình cảm vợ chồng. Thực tế anh chị đã ly thân

hơn một năm, khi mang thai và sinh con thứ hai, chị T đã hoàn toàn trông cậy và nhờ sự giúp đỡ, hỗ trợ của bố mẹ đẻ. Tại phiên tòa anh Q đã nhất trí ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T và quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử chị T ly hôn anh Quyết để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh chị T, Q có 02 con chung là Đặng Văn B, sinh ngày 09-8-2017 và Đặng Văn Hoàng B1, sinh ngày 09-01-2021, hiện nay cháu B1 đang ở cùng chị T, cháu B đang ở cùng anh Q. Anh chị đều đề nghị mỗi người nuôi 01 con, hai bên không phải cấp dưỡng tiền cho nhau. Thỏa thuận của anh chị phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa về con của anh Q và chị T. Anh chị được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị T và anh Q tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị T có đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Đặng Văn Q.

- Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Phạm Thị T và anh Đặng Văn Q. Chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con Đặng Văn Hoàng B1, sinh ngày 09-01-2021; anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Đặng Văn B, sinh ngày 09-8-2017, kể từ tháng 4-2022 cho đến khi các con thành niên 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000^d án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000^d theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0003311 ngày 17-12-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. *(chị T đã thi hành xong án phí)*

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 13-4-2022.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã L.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hoài

